

Bản án số: 21/2023/DS-ST
Ngày: 29 - 5 - 2023
“T/c hợp đồng dân sự vay tài sản ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Văn Tới
- **Các Hội thẩm nhân dân:** - Ông Phạm Ngọc Thanh
- Ông Nguyễn Tấn Đề

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phan Thị Hồng Nhung, Thư ký
Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:** Ông
Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh,
tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2023/TLST- DS
ngày 27 tháng 2 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
75/2023/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn N**, sinh năm 1944 (có mặt)

Địa chỉ: **ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.**

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông **Huỳnh Văn
Nghĩa** là bà **Vũ Thị L** - Trợ giúp viên, **Trung tâm T** (có mặt)*

* Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: **ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông **Huỳnh
Văn N** trình bày:** Vào ngày 10/10/2020 chị **Nguyễn Thị C** có hỏi vay của ông
60.000.000 đồng, không thỏa thuận về lãi suất, chị **C** hứa lĩnh hui trả lại cho ông,
nhưng đến nay chưa trả. Ông yêu cầu chị **C** trả cho ông 60.000.000 đồng, không yêu
cầu về lãi suất.

Tại phiên tòa, ông Huỳnh Văn N xác định trong năm 2020 chị C có vay nợ của ông nhiều lần, tổng cộng là 60.000.000 đồng đến nay chưa trả. Ông N yêu cầu chị Nguyễn Thị C trả cho ông một lần bằng 60.000.000 đồng, ông N không yêu cầu về lãi suất.

*** Tại biên bản hòa giải ngày 10 tháng 4 năm 2023 bị đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:** Chị C thừa nhận vào ngày 10/10/2020 chị C có hỏi vay của ông N 60.000.000 đồng, không thỏa thuận về lãi suất, đến nay chị chưa trả cho ông N. Theo yêu cầu của ông N, chị C có ý kiến như sau: Chị đồng ý trả cho ông N 60.000.000 đồng, nhưng chị C xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị C đồng ý trả cho ông N 60.000.000 đồng, nhưng chị C xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Trợ giúp viên bà Vũ Thị L trình bày: Lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh Văn N tại phiên tòa là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh Văn N.

- Kiểm sát viên phát biểu:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án xác định đúng mối quan hệ pháp luật tranh chấp; Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các vị Hội thẩm, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn và Trợ giúp viên thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh Văn N.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ngày 12/5/2023 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phiên tòa được mở ngày hôm nay.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử xác định mối quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

[3] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên họp hòa giải cũng như tại phiên tòa giữa nguyên đơn ông Huỳnh Văn N và bị đơn chị Nguyễn Thị C cùng thống nhất xác định, năm 2020 chị Nguyễn Thị C có hỏi vay của ông Huỳnh Văn N nhiều lần, tổng cộng

là 60.000.000 đồng, từ năm 2020 đến nay chị **C** chưa trả nợ vay cho ông **N**, đồng thời chị **C** thống nhất trả cho ông **N** 60.000.000 đồng. Như vậy, ông **N** và chị **C** đều thừa nhận và thống nhất với nhau, nên nguyên đơn ông **Huỳnh Văn N** không cần phải chứng minh.

Xét về thời gian và cách thức trả nợ: Ông **Huỳnh Văn N** yêu cầu chị **Nguyễn Thị C** trả nợ cho ông một lần bằng 60.000.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày; chị **C** thì xin được trả dần, mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của chị **C** không được ông **N** chấp nhận, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để ghi nhận.

Xét về lãi suất: Ông **Huỳnh Văn N** không yêu cầu chị **Nguyễn Thị C** trả lãi suất nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những nhận định nêu trên, sau khi thảo luận, nghị bàn Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông **Huỳnh Văn N** và đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở để chấp nhận. Buộc chị **Nguyễn Thị C** trả cho ông **Huỳnh Văn N** nợ vay là 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*).

[4]. Về án phí: Bị đơn chị **Nguyễn Thị C** bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000 đồng (60.000.000 đồng x 5%); nguyên đơn ông **Huỳnh Văn N** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông **Huỳnh Văn N** được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm nên không phải hoàn trả lại.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Huỳnh Văn N**.

Buộc chị **Nguyễn Thị C** trả cho ông **Huỳnh Văn N** nợ vay là 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Buộc chị **Nguyễn Thị C** chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*).

Ông **Huỳnh Văn N** được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không phải hoàn trả lại.

Báo quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện AM
- Chi cục THADS huyện AM;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới

